

## PHỦ CHỦ TỊCH

**LỆNH số 17-LCT ngày 27-1-1970 của Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa công bố pháp lệnh ngày 15-1-1970 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đặt các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.**

### LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

*Căn cứ vào điều 63 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa,*

*Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ngày 15 tháng 1 năm 1970,*

### NAY CÔNG BỐ

Pháp lệnh đặt các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

*Hà-nội, ngày 27 tháng 1 năm 1970*

Chủ tịch

nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

**TÔN ĐỨC THẮNG**

## PHÁP LỆNH

**đặt các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.**

*Căn cứ vào điều 53 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;*

*Đề biểu dương công lao to lớn của nhân dân và của các lực lượng vũ trang nhân dân ta trong sản xuất, chiến đấu và công tác;*

*Đề phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược;*

## ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI QUY ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay đặt các danh hiệu vinh dự Nhà nước:

- Anh hùng lao động,
- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**Điều 2.** — Danh hiệu Anh hùng lao động tặng cho những đơn vị hoặc cá nhân trong các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật và hành chính hoặc cho những công dân khác có đủ điều kiện sau đây:

Trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, có đạo đức cách mạng, có tinh thần đoàn kết, lao động dũng cảm và sáng tạo, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong sản xuất và công tác, góp phần thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**Điều 3.** — Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tặng cho những đơn vị hoặc cá nhân trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân hoặc cho những công dân khác có đủ điều kiện sau đây:

Trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, có đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có tinh thần đoàn kết, chiến đấu dũng cảm và mưu trí, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu hoặc trong công tác phục vụ chiến đấu, góp phần thúc đẩy sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.

**Điều 4.** — Danh hiệu Anh hùng lao động có thể truy tặng cho những người đã hy sinh có đủ điều kiện nêu trong điều 2.

Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân có thể truy tặng cho những người đã hy sinh có đủ điều kiện nêu trong điều 3.

**Điều 5.** — Việc tặng danh hiệu Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân do Ủy ban thường vụ Quốc hội xét và quyết định, căn cứ vào đề nghị của Hội đồng Chính phủ.

**Điều 6.** — Đơn vị hoặc cá nhân nào được tặng danh hiệu Anh hùng lao động thì được cấp huy chương Anh hùng lao động.

Đơn vị hoặc cá nhân nào được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thì được cấp huy chương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**Điều 7.** — Đơn vị anh hùng và người anh hùng phải thường xuyên chăm lo rèn luyện đạo đức cách mạng, phát triển tài năng, cần cù và khiêm tốn, ra sức học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt và tiến bộ không ngừng.



Các cấp chính quyền và đoàn thể có trách nhiệm bồi dưỡng và giúp đỡ các đơn vị anh hùng và người anh hùng, tạo điều kiện cho họ phát huy đầy đủ tác dụng gương mẫu trong phong trào thi đua yêu nước.

**Điều 8.** — Đơn vị anh hùng hoặc người anh hùng tiếp tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc mới thì có thể lại được tặng danh hiệu anh hùng và được cấp huy chương anh hùng mới.

**Điều 9.** — Đơn vị hoặc cá nhân đã được tặng danh hiệu anh hùng, nếu phạm khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng, không xứng đáng với danh hiệu đó nữa, thì Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ xét và quyết định tước danh hiệu anh hùng.

*Pháp lệnh này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua tại Hà-nội ngày 15 tháng 1 năm 1970.*

Ủy ban thường vụ Quốc hội  
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

Chủ tịch  
**TRƯỜNG-CHINH**

**LỆNH số 18-LCT ngày 27-1-1970 của Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa công bố pháp lệnh ngày 15-1-1970 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi và bổ sung pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ngày 16-4-1962.**

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH  
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

*Căn cứ vào điều 63 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa,*

*Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ngày 15 tháng 1 năm 1970,*

**NAY CÔNG BỐ.**

Pháp lệnh sửa đổi và bổ sung pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ngày 16 tháng 4 năm 1962.

*Hà-nội, ngày 27 tháng 1 năm 1970*

Chủ tịch  
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa  
**TÔN ĐỨC THẮNG**

## PHÁP LỆNH

**sửa đổi và bổ sung pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ngày 16 tháng 4 năm 1962.**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

*Căn cứ vào điều 7 và điều 25 của luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 15 tháng 7 năm 1960;  
Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay thay điều 5 của pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ngày 16 tháng 4 năm 1962, bằng điều 5 (mới) sau đây :

**Điều 5 (mới).** — Bộ máy làm việc và biên chế của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao định và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

**Điều 2.** — Nay bổ sung điều 7 của pháp lệnh nói trên bằng điều 7 (mới) sau đây :

**Điều 7 (mới).** — Để tăng cường hiệu lực của công tác kiểm sát, nay thành lập ngạch kiểm sát viên gồm có : kiểm sát viên cao cấp, kiểm sát viên trung cấp và kiểm sát viên sơ cấp.

*Pháp lệnh này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua tại Hà-nội ngày 15 tháng 1 năm 1970.*

Ủy ban thường vụ Quốc hội  
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

Chủ tịch  
**TRƯỜNG-CHINH**